

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2020 / HNGĐ-ST.

Ngày: 15 – 6 – 2020 .

V/v “ Chia tài sản chung sau ly hôn; đòi
lại quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đình Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít : ông Huỳnh Hữu Tài- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít.

Trong các ngày 10, 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 100/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2019; Về việc: “ Chia tài sản chung sau ly hôn; đòi lại quyền sử dụng đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Kiều Thị L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp M, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Kiều Thị L ủy quyền cho ông Lê Tấn P tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2019).

Địa chỉ: ấp M, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp M, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Kiều Văn N, sinh năm 1944

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1945

3.3. Anh Kiều Minh T, sinh năm 1989

3.4. Chị Kiều Thị Hồng V, sinh năm 1988

3.5. Anh Nguyễn Văn J, sinh năm 1992

3.6. Chị Kiều Thị Thu S, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H ủy quyền chị Kiều Thị Hồng V tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2019).

3.7. Ngân hàng X – Đại diện hợp pháp là Ngân hàng X huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long – Đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị F – Giám đốc Phòng giao dịch.

Đại diện theo ủy quyền là anh Lê Thanh Y – Phó Giám đốc PGD Ngân hàng X huyện Mang Thít.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Kiều Thị L trình bày:

Bà Kiều Thị L, ông Nguyễn Văn E đã ly hôn tháng 02 năm 2018 theo bản án số 11/2018/HNGĐ-ST ngày 26/02/2018 nhưng chưa chia tài sản chung.

Trong thời gian vợ, chồng chung sống có xây dựng một căn nhà cấp 4 trên phần đất của cha, mẹ ruột chị Lê. Tiền xây nhà vay Ngân hàng X huyện Mang Thít 8.000.000đ (Tám triệu đồng); Nhà nước cho 10.000.000đ; còn lại con chung Nguyễn Văn J hót hụi và bỏ tiền để xây dựng căn nhà.

Khi ly hôn có thỏa thuận ông E 06 tháng phải ra đi và bà L trả giá trị căn nhà cho ông E, nhưng ông E không thực hiện đúng như thỏa thuận. Hiện nay nhà đã xuống cấp, khi cất nhà có công sức đóng góp của con ruột là Nguyễn Văn J, giá trị tạm tính căn nhà là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung đối với căn nhà cấp 4 nền lót gạch Tàu, cột đút, mái lợp tôn có diện tích 86,9m² cất trên thửa đất số 215, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.002,2m² của ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp M, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, chia làm 03 phần chị Lê một phần 10.000.000đ (Mười triệu đồng); ông Nguyễn Văn E một phần 10.000.000đ (Mười triệu đồng); anh Nguyễn Văn J một phần số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Theo các biên bản hòa giải tại Tòa án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn E trình bày:

Ông Nguyễn Văn E đã ly hôn bà L tháng 02 năm 2018 theo bản án số 11/2018/HNGĐ-ST ngày 26/02/2018 nhưng chưa chia tài sản chung.

Trong thời gian vợ chồng chung sống có cất được một căn nhà trên phần đất của cha, mẹ ruột bà L. Tiền xây nhà do vay Ngân hàng X huyện Mang Thít 8.000.000đ (Tám triệu đồng); nhà nước cho 10.000.000đ; còn lại do con chung Nguyễn Văn J hót hụi và bỏ tiền để xây dựng căn nhà. Do hiện nay ông E đã lớn tuổi, không có nơi ở ổn định nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra ông E còn các tài sản khác như 100 cây Mai con không xác định được thời gian trồng; 02 cái giường hộp; 01 cái giường tàu; 01 bàn tròn bằng gỗ; 01 tủ áo; 01 tủ ly; 01 bộ ghế salon gỗ; 01 cái tivi; 01 máy bơm hơi + máy làm nghề mộc; 10m³ gỗ; 01 chòi lá khung gỗ tạm nền đất đây là tài sản riêng của ông E nên không yêu cầu định giá.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đại diện hợp pháp ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H là chị Kiều Thị Hồng V trình bày:

Ông N, bà H có cho con Kiều Thị L cất một căn nhà ở nhờ trên thửa đất số 215, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.002,2m² của ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp M, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Ông Nhân, bà Hai thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà L. Tòa án giải quyết giao nhà cho bà Kiều Thị L, chia giá trị cho Nguyễn Văn E để ông E giao nhà ra đi thì ông, bà đồng ý tiếp tục cho Kiều Thị L ở, buộc ông E phải di dời toàn bộ tài sản riêng ra khỏi phần đất của ông Nhân, bà Hai. Còn Tòa án xử giao nhà cho Nguyễn Văn E thì ông Nhân, bà Hai yêu cầu di dời nhà, tài sản và trả lại toàn bộ diện tích đất xây nhà và các công trình gắn liền với nhà tọa lạc trên thửa đất số 215, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.002,2m² của ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc ấp M, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Nguyễn Văn J trình bày: Anh J có công sức đóng góp trong căn nhà như bà L, ông E trình bày, nếu cha, mẹ anh J chia giá trị căn nhà thì anh J yêu cầu chia một phần. Thống nhất nhận hiện vật và đồng ý chia ông E giá trị.

Chị Kiều Thị Hồng V trình bày: Chị V không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Chị V thống nhất trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Văn N và bà Nguyễn Thị H.

Đại diện Ngân hàng X huyện Mang Thít trình bày:

Trong vụ án này phía Ngân hàng không có yêu cầu độc lập. Do hiện nay khoản vay của bà Kiều Thị L vẫn chưa đến hạn trả. Trường hợp khi đến thời hạn trả mà chị L vẫn không thể hoàn trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ có yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa ngày hôm nay:

Đại diện nguyên đơn ông Lê Tấn P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Nguyễn Văn E di dời toàn bộ tài sản riêng của ông E, công nhận quyền sở hữu của căn nhà, các công trình gắn liền với căn nhà cho bà Kiều Thị L, anh Nguyễn Văn J chia giá trị căn nhà theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn E thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về tài sản chung, tài sản riêng là đúng, do hiện nay ông E không còn chỗ ở nào khác nên không đồng ý nhận giá trị nhà như yêu cầu khởi kiện bà Kiều Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cầu khởi kiện.

Đương sự thống nhất với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/11/2019

Đương sự thống nhất với kết quả định giá theo biên bản định giá ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít

Đại diện viện kiểm sát trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật, việc thu thập chứng cứ và thực hiện mở phiên tòa bảo đảm đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị L công nhận quyền sở hữu nhà và các công trình gắn liền với căn nhà cho bà Kiều Thị L, anh Nguyễn Văn J. Buộc bà L, anh J trả giá trị nhà, các công trình gắn liền với căn nhà cho ông E; Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H buộc ông E di dời toàn bộ tài sản riêng của ông Em ra khỏi thửa đất số 215, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.002,2m² của ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc ấp M, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là “ Chia tài sản chung sau ly hôn, đòi lại quyền sử dụng đất” theo khoản 1 Điều 28, khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp M, xã C, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được triệu tập hợp lệ vắng mặt lần thứ 2 không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay các đương sự trong vụ án xác định tài sản chung và tài sản riêng của bà Kiều Thị L và ông Nguyễn Văn E và con chung anh Nguyễn Văn J như sau:

Tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4 (gọi tắt là căn nhà) khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, không tô, mái lợp tôn không trần, nền lót gạch tàu; 01 nhà vệ sinh khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lót gạch men, mái tôn, không trần; 01 nhà phụ liền kề khung cột bê tông cốt thép, không vách, nền lót gạch tàu, mái tôn không trần; hầm tự hoại; hồ nước; sân lát si măng.

Tài sản riêng của bị đơn ông Nguyễn Văn E: khoảng 100 cây Mai con không xác định được thời gian trồng; 02 cái Giường hộp; 01 cái Giường tàu; 01 bàn tròn bằng gỗ; 01 tủ áo; 01 tủ ly; 01 bộ ghế salon gỗ; 01 cái tivi; 01 máy bơm hơi + máy làm nghề mộc; 10m³ gỗ; 01 chòi lá khung gỗ tạm nền đất.

Hiện nay tất cả các tài sản này do bị đơn ông Nguyễn Văn E đang quản lý, sử dụng tọa lạc trên thửa đất 215 của ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H (cha, mẹ ruột bà Kiều Thị L) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.1] Bà Kiều Thị L, anh Nguyễn Văn J yêu cầu chia tài sản chung xác định tiền xây nhà và các công trình gắn liền với nhà do vay Ngân hàng X huyện Mang Thít

8.000.000đ; UBND xã Chánh An hỗ trợ 10.000.000đ; còn lại do anh J đóng góp bằng tiền để xây dựng, đây là tình tiết không phải chứng minh vì các đương sự thừa nhận và phù hợp theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L, anh J yêu cầu chia tài sản chung nêu trên làm 03 phần mỗi người hưởng 10.000.000đ, tuy nhiên qua xem xét, thẩm định tại chỗ và Định Giá tài sản tranh chấp hội đồng xác định tài sản tranh chấp có giá trị 111.424.626 đồng (bl 112, 113) do các đương sự không thống nhất giá, có đơn yêu cầu Tòa án thành lập hội đồng định giá nên lấy giá của Hội đồng định giá làm căn cứ để xét xử là phù hợp với quy định Điều 104 BLTTDS.

Bà L, anh J yêu cầu chia ông E giá trị tài sản, công nhận quyền sở hữu căn nhà, các công trình gắn liền với căn nhà tọa lạc trên phần đất của ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H. Xét yêu cầu của bà Kiều Thị L, anh Nguyễn Văn J là có căn cứ chấp nhận vì hiện nay bà L, ông E đã ly hôn, 02 con chung Nguyễn Văn J, Kiều Thị Thu S đang sống chung với bà L hiện không có nơi ở ổn định, sống bằng nghề chài lưới, mặc khác căn nhà không đủ diện tích chia bằng hiện vật, việc xây dựng nhà và các công trình gắn liền phần đất ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H (cha, mẹ ruột bà L), ông Nhân không đồng ý cho ông E tiếp tục ở. Cho nên công nhận quyền sở hữu nhà và các công trình gắn liền với căn nhà cho bà Kiều Thị L, anh Nguyễn Văn J buộc bà L, anh J chia ông E giá trị tài sản tranh chấp theo tỷ lệ 1/3 là: $111.424.626đ : 3 = 37.141.542đ$ là phù hợp Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Từ những nhận định trên, xét ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Nguyễn Văn E di dời toàn bộ tài sản riêng khoảng 100 cây Mai không xác định được thời gian trồng; 02 cái Giường hộp; 01 cái Giường tàu; 01 bàn tròn bằng gỗ; 01 tủ áo; 01 tủ ly; 01 bộ ghế salon gỗ; 01 cái tivi; 01 máy bơm hơi + máy làm nghề mộc; 10m³ gỗ; 01 chòi lá khung gỗ tạm nền đất ra khỏi phần diện tích đất 149,6m² (gồm các mố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 1); 80,9m² (gồm các mố 1,2,3,4,5,12,11,1) thuộc thửa 215, tờ bản đồ số 18 có tổng diện tích 3.002,2m², đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm do ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì các tài sản trên có thể di dời, ông Nhân, bà Hai là chủ sử dụng đất hợp pháp được các đương sự và cơ quan có thẩm quyền thừa nhận việc yêu cầu di dời là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H tiếp tục cho chị Kiều Thị L, anh Nguyễn Văn J, chị Kiều Thị Thu S ở nhờ trên phần đất gắn liền căn nhà cấp 4 và các công trình gắn liền với căn nhà.

[2.3] Đối với khoản nợ 8.000.000đồng bà Kiều Thị L vay từ Ngân hàng X huyện Mang Thít để xây nhà, đã được các đương sự thừa nhận. Trong quá trình thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay phía đại diện hợp pháp của Ngân hàng cho rằng nợ chưa đến hạn trả nợ, quyền và lợi ích hợp pháp chưa bị xâm phạm nên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên khi nào Ngân hàng khởi kiện vụ án khác sẽ xem xét giải quyết.

[2.4] Chi phí tố tụng khác: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.741.800đ (Ba triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn tám trăm đồng) Nguyên đơn bà Kiều Thị L đã nộp xong, ông E hoàn trả bà L số tiền 1.247.200đ; bà L tự nguyện nộp thay cho anh J, không yêu cầu anh J trả lại, là phù hợp quy định Điều 157, 165 của Bộ luật TTDS.

[3] Về án phí sơ thẩm: Đương sự nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 43, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 166 Luật đất đai 2013;

Áp dụng Điều 26, 28, 92, 104, 157, 165, 227, 228, 235, 244 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 26, 27 của Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị L; Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Văn J.

Công nhận quyền sở hữu chung cho bà Kiều Thị L, anh Nguyễn Văn J đối với căn nhà cấp 4, kết cấu cột bê tông, cốt thép, tường xây gạch, không tô, nền lát gạch tàu, mái tôn không trần có diện tích 51,24m²; 01 nhà vệ sinh cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch men, mái tôn không trần diện tích 2,28m²; 01 nhà phụ liền kề khung cột bê tông cốt thép, không vách, nền lát gạch tàu, mái tôn không trần có diện tích 32,94m²; Hầm tự hoại xây tô tường 100; Hồ nước xây tô tường 100; Sân lát Xi măng 37,95m² tọa lạc trên thửa đất số 215, tờ bản đồ số 18, tổng diện tích 3.002,2m² do hộ ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc ông Nguyễn Văn E giao tất cả các tài sản trên cho bà Kiều Thị L, anh Nguyễn Văn J quản lý, sử dụng.

Buộc bà Kiều Thị L, anh Nguyễn Văn J trả giá trị cho ông Nguyễn Văn E là 37.141.542đ (Ba mươi bảy triệu một trăm bốn mươi một ngàn năm trăm bốn mươi hai đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H buộc ông Nguyễn Văn E di dời toàn bộ tài sản gồm: 100 cây Mai không xác định được thời gian trồng; 02 cái Giường hộp; 01 cái Giường tàu; 01 bàn tròn bằng gỗ; 01 tủ áo; 01 tủ ly; 01 bộ ghế salon gỗ; 01 cái tivi; 01 máy bơm hơi + máy làm nghề mộc; 10m³ gỗ; 01 chòi lá khung gỗ tạm nền đất ra khỏi phần diện tích đất 149,6m² (gồm các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,1); 80,9m² (gồm các mốc 1,2,3,4,5,12,11,1) thuộc thửa 215, tờ bản đồ số 18 có tổng diện tích 3.002,2m², đất ở nông thôn và đất trồng

cây lâu năm do ông Kiều Văn N, bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có trích đo kèm theo)

Thời hạn di dời là 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí chia tài sản chung: Bà Kiều Thị L nộp 1.857.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn đồng), được khấu trừ 350.000đ theo lai thu số 0006952, ngày 05/4/2019, bà Kiều Thị L còn phải nộp thêm 1.507.000đ (Một triệu năm trăm lẻ bảy ngàn đồng); ông Nguyễn Văn E nộp 1.857.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn đồng); anh Nguyễn Văn J nộp 1.857.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn đồng) được khấu trừ 300.000đ theo lai thu số 0007432, ngày 17/02/2020, anh J còn phải nộp thêm 1.557.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn E nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

5. Chi phí tố tụng: 3.741.800đ (Ba triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn tám trăm đồng) Nguyên đơn bà Kiều Thị L đã nộp xong, ông E hoàn trả bà L số tiền 1.247.200đ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm đương sự có mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã C;
- Các đương sự 02bản ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo